

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng
và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025,
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 25/6/2025;*

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20/6/2012;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025
quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật
Ban hành văn bản QPPL; số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về kiểm tra, rà
soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản QPPL; số 187/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi
tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn
bản QPPL và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về kiểm tra, rà soát,
hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL; số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về tổ
chức thi hành văn bản QPPL;*

*Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về
đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất
nước trong kỷ nguyên mới;*

*Thực hiện Chương trình hành động số 45-CTr/TU ngày 03/7/2025 của
Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của
Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu
cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;*

*Thực hiện Quyết định số 117-QĐ/TU ngày 26/12/2025 của Tỉnh ủy về việc
ban hành Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh năm 2026; ý
kiến của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Văn bản số .../TU ngày .../3/2026;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số /TTr-STP ngày /
/2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy;
- TTr. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- HĐND các xã, phường;
- Các tổ chức, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC₃.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN
ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ
TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2026-2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2026 của UBND tỉnh)

PHẦN MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở chính trị

Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật được xác định là khâu đột phá chiến lược của quản trị quốc gia, đồng thời là điều kiện nền tảng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân. Trong bối cảnh đó, việc ban hành các chủ trương, định hướng lớn nhằm đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật trở thành yêu cầu cấp thiết.

Ngày 30/4/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó đưa ra quan điểm chỉ đạo: “*Công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; là một nhiệm vụ trọng tâm của tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng*”.

Trước đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định rõ mục đích cụ thể đến năm 2030 là “*hoàn thiện cơ bản thể chế về quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội*”.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tiếp tục khẳng định một trong những đột phá chiến lược phát triển đất nước giai đoạn 2026-2030 là: “*Đột phá mạnh mẽ về thể chế phát triển, nâng cao năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để khơi thông, giải phóng và phát huy hiệu quả mọi nguồn lực*”.

Đối với tỉnh Hà Tĩnh, Chương trình hành động số 45/CTr-TU ngày 03/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW đã đưa ra mục tiêu: *“Đến năm 2030, xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi với cơ chế tổ chức thực hiện nghiêm minh, nhất quán, bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy; tháo gỡ vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, mở đường cho kiến tạo phát triển. Tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, nhất là cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đầu tư kinh doanh”*.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiếp tục đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo, phát huy mạnh mẽ các nguồn lực phát triển; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và hoàn thiện thể chế phát triển.

Để triển khai các chủ trương, định hướng của Trung ương, của tỉnh, cần phải tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ quan trọng về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, trọng tâm là thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW; xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển mới; rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của tỉnh, kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ quy định không còn phù hợp; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong theo dõi, đánh giá và thống kê tình hình thi hành pháp luật; đồng thời bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa công tác xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật.

Trong bối cảnh đó, công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật phải được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó ngành Tư pháp giữ vai trò tham mưu nòng cốt, tất cả các sở, ban, ngành, chính quyền cấp xã và người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện.

Việc xây dựng và triển khai Đề án là bước cụ thể hóa chủ trương của Đảng, đồng thời tạo công cụ điều hành thống nhất của UBND tỉnh nhằm nâng cao chất lượng thể chế địa phương, siết chặt kỷ luật trong tổ chức thi hành pháp luật và bảo đảm cơ sở pháp lý cho phát triển nhanh, bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới.

2. Cơ sở pháp lý

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 khẳng định rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật, quyết định các vấn đề của địa phương theo quy định của luật và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Trên cơ sở đó, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 đã cụ thể hóa trách nhiệm của HĐND, UBND và Chủ tịch UBND các cấp trong việc tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật, đồng thời xác định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong quản lý nhà nước và bảo đảm hiệu lực thi hành pháp luật trên địa bàn. Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 tiếp tục thể chế

đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là chủ trương đổi mới tư duy, quy trình xây dựng văn bản QPPL, mở rộng thẩm quyền ban hành văn bản QPPL, đồng thời, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, hiệu lực và hiệu quả, dễ áp dụng trên thực tế, khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Nhiều nội dung liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật được quy định tại Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 và một số Nghị định như: số 28/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL; số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản QPPL; số 187/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP; số 80/2025/NĐ-CP về tổ chức thi hành văn bản QPPL.

Trong bối cảnh hệ thống pháp luật có nhiều thay đổi, yêu cầu quản lý nhà nước ngày càng cao và nhiệm vụ phát triển của tỉnh ngày càng lớn, việc xây dựng Đề án là giải pháp mang tính hệ thống để chuẩn hóa quy trình, nâng cao chất lượng chính sách, tăng cường trách nhiệm tổ chức thi hành và hình thành cơ chế điều hành đồng bộ, thay vì triển khai phân tán theo từng lĩnh vực, từng thời điểm.

3. Cơ sở thực tiễn

Qua rà soát tổng thể hệ thống văn bản QPPL của tỉnh từ năm 1991 đến nay và kết quả theo dõi, đánh giá cho thấy công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực. Hệ thống văn bản QPPL từng bước được hoàn thiện, bao quát hầu hết các lĩnh vực quản lý nhà nước; trong đó một số lĩnh vực có số lượng văn bản ban hành tương đối lớn như tài chính, nông nghiệp và môi trường, nội vụ, xây dựng, góp phần tạo khung pháp lý phục vụ quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác tổ chức thi hành pháp luật từng bước đi vào nề nếp; hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản được chú trọng thực hiện. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác này vẫn còn một số hạn chế như: hệ thống văn bản của tỉnh chủ yếu quy định chi tiết văn bản của Trung ương, chưa đề xuất được nhiều cơ chế, chính sách mới mang tính định hướng, tạo động lực phát triển; chất lượng một số văn bản chưa cao, còn chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu tính khả thi, không còn phù hợp nhưng chưa được sửa đổi, bổ sung dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; việc tổ chức thi hành pháp luật chưa đồng đều; một số quy định, thủ tục hành chính còn rườm rà, chưa tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Những tồn tại, hạn chế đó cho thấy công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật của tỉnh vẫn chưa đáp ứng được các yêu cầu đặt ra tại các Nghị quyết của Đảng về công tác này.

Trong bối cảnh Hà Tĩnh đang đẩy mạnh thu hút đầu tư, chuyển đổi số, sắp xếp tổ chức bộ máy và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, việc ban hành Đề án là cần thiết để đánh giá đúng thực trạng, xác định rõ các điểm nghẽn, đề ra giải pháp có trọng tâm, trọng điểm và tạo cơ sở để UBND tỉnh điều hành thống nhất công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Đối tượng nghiên cứu

Đề án tập trung nghiên cứu công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Công tác xây dựng văn bản QPPL (quy trình xây dựng, ban hành văn bản; nội dung, chất lượng văn bản; cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị); công tác tổ chức thi hành pháp luật (ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành văn bản QPPL; phổ biến, giáo dục văn bản QPPL; hướng dẫn áp dụng, tiếp nhận, xử lý, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL).

2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
- Về thời gian: Đánh giá thực trạng công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh từ năm 1991 đến năm 2025, trọng tâm là giai đoạn 2020 - 2025; xác định nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến năm 2035.

3. Đánh giá tác động của Đề án

3.1. Tác động đến công tác quản lý nhà nước về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

Đề án tác động trực tiếp đến công tác quản lý nhà nước về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật theo hướng tăng tính tập trung, thống nhất, rõ trách nhiệm và dựa trên kết quả đầu ra. Nếu được triển khai nghiêm túc, Đề án sẽ góp phần khắc phục tình trạng phân tán trong tham mưu chính sách, nâng chất lượng hồ sơ, kiểm soát tốt hơn tiến độ và chất lượng văn bản, đồng thời tạo cơ sở cho việc theo dõi, đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật bằng dữ liệu và chỉ tiêu cụ thể.

3.2. Tác động đến nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật

Đề án có tác động trực tiếp đến nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật thông qua việc chuyển mạnh từ cách làm tuyên truyền dàn trải sang truyền thông chính sách theo nhóm đối tượng, đúng thời điểm và gắn với các vấn đề người dân, doanh nghiệp đang quan tâm. Khi văn bản được xây dựng sát thực tiễn hơn, được hướng dẫn, phổ biến kịp thời hơn và có cơ chế phản hồi rõ ràng hơn, mức độ đồng thuận và tuân thủ pháp luật trong xã hội sẽ được nâng lên.

3.3. Tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh

Về mặt kinh tế, Đề án góp phần tạo lập môi trường pháp lý minh bạch, ổn định và dự báo tốt hơn cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; qua đó hỗ trợ tháo gỡ điểm nghẽn thể chế, giảm chi phí tuân thủ, tăng tính thuận lợi trong tiếp cận chính sách và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Về mặt xã hội, Đề án góp phần bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ; hạn chế tình trạng chính sách đúng nhưng tổ chức thực hiện chậm hoặc kém hiệu quả; đồng thời củng cố niềm tin của xã hội đối với pháp luật và hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

PHẦN II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Thời gian qua, công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh. Hoạt động chỉ đạo, điều hành từng bước được thực hiện theo hướng tập trung, thống nhất, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu; bảo đảm sự gắn kết giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật, giữa hoàn thiện thể chế với cải cách hành chính, chuyển đổi số và sắp xếp tổ chức bộ máy. Thông qua việc ban hành và triển khai các kế hoạch, chương trình công tác hàng năm, cùng với cơ chế theo dõi, kiểm tra, giám sát thường xuyên, nhiều nhiệm vụ được triển khai kịp thời, một số nhiệm vụ hoàn thành trước thời hạn, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các sở, ban, ngành và địa phương trong thực hiện nhiệm vụ.

Nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế, tạo nền tảng pháp lý phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Tỉnh ủy và HĐND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, định hướng nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Bám sát chương trình công tác của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và yêu cầu phát triển của địa phương, hàng năm UBND tỉnh ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL của HĐND và UBND tỉnh, Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trọng tâm liên ngành, làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị chủ động triển khai, đồng thời kiểm soát tiến độ và chất lượng thực hiện.

Sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 45/CTr-TU ngày 03/7/2025 và UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 444/KH-UBND ngày 13/8/2025 để kịp thời triển khai thực hiện trên địa bàn. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự tham gia tích cực của các sở, ban, ngành, địa phương, công tác chỉ đạo điều hành đã được triển khai kịp thời, nhất quán góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

2. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

2.1. Thực hiện quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật

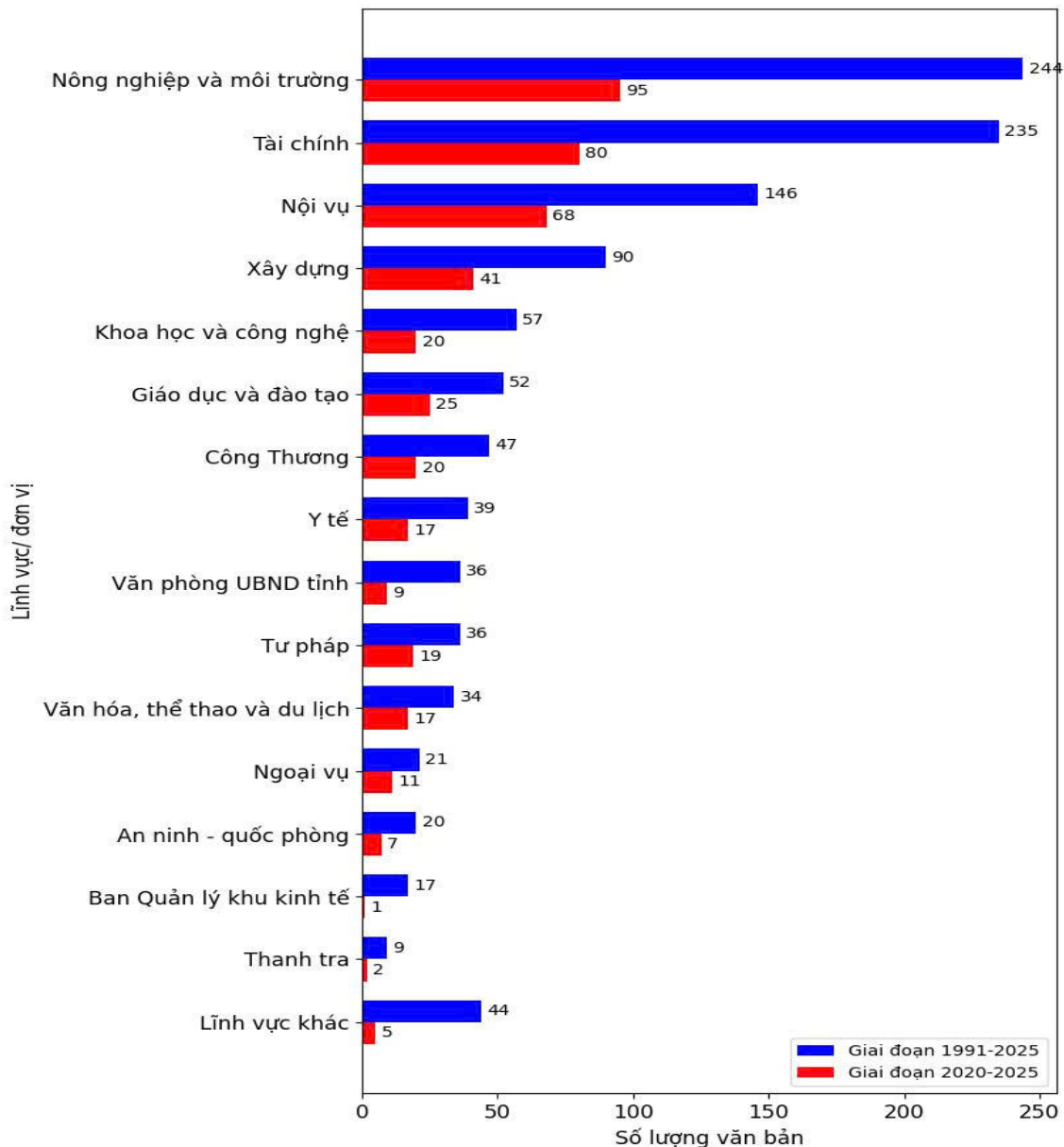
Quy trình xây dựng và ban hành văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh từng bước đi vào nền nếp. Việc đăng ký xây dựng văn bản ở cấp tỉnh cơ bản thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, gắn với yêu cầu quản lý nhà nước và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Công tác lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo văn bản thực hiện đảm bảo đúng quy định, thông qua nhiều hình thức đa dạng, tập trung vào các nội dung có tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân. Hoạt động thẩm định dự thảo văn bản QPPL được thực hiện chặt chẽ, 100% văn bản được thẩm định của cơ quan tư pháp trước khi ban hành, bảo đảm đánh giá tính

hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật và sự phù hợp với thực tiễn địa phương.

2.2. Số lượng và chất lượng văn bản

Hệ thống văn bản QPPL của tỉnh từng bước được hình thành, tạo khuôn khổ pháp lý tương đối đầy đủ, bao quát hầu hết các lĩnh vực quản lý nhà nước trên địa bàn. Các văn bản được ban hành cơ bản bảo đảm kịp thời, hợp pháp, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, góp phần quan trọng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân. Trong giai đoạn 1991-2025, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 1.127 văn bản QPPL, gồm 268 nghị quyết, 838 quyết định và 21 chỉ thị, cơ bản bao quát các lĩnh vực kinh tế - xã hội; trong đó, văn bản quy định chi tiết chiếm trên 80%, còn lại văn bản quy định chính sách của tỉnh và biện pháp quản lý nhà nước. Số liệu cụ thể từng lĩnh vực như sau:

Số lượng văn bản QPPL tỉnh Hà Tĩnh theo lĩnh vực/ đơn vị



Từ năm 1991 đến năm 2025, cấp xã đã ban hành 5.705 văn bản QPPL, trong đó giai đoạn 2020-2025 ban hành 205 văn bản QPPL. Trên thực tế, số lượng văn bản QPPL của cấp xã không nhiều do các lĩnh vực quản lý chủ yếu đã được điều chỉnh thống nhất bởi văn bản của Trung ương và cấp tỉnh.

Mặc dù Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025 đã mở rộng thẩm quyền ban hành văn bản của cấp xã, nhưng các nội dung liên quan đến tổ chức và hoạt động của chính quyền cấp xã phần lớn chỉ mang tính cụ thể hóa, triển khai quy định của cấp trên. Theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, các nội dung này được thể hiện bằng văn bản hành chính thay vì văn bản QPPL, vì vậy thực tiễn ban hành văn bản QPPL ở cấp xã còn ít.

3. Công tác tổ chức thi hành pháp luật

Hàng năm, UBND tỉnh ban hành kế hoạch công tác tư pháp, xác định rõ nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) và triển khai các đề án, chương trình phù hợp thực tiễn địa phương. Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh phát huy tốt vai trò tham mưu trong định hướng nội dung tuyên truyền. Bên cạnh hình thức truyền thống, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số với nhiều hình thức mới, sáng tạo, hiệu quả¹; thực hiện Thông cáo báo chí và xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền có sức lan tỏa rộng rãi, góp phần nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL và tăng cường tính công khai, minh bạch của hệ thống văn bản.

Công tác tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ được quan tâm thực hiện, từng bước nâng cao nhận thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ và chất lượng tham mưu của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị được triển khai nghiêm túc, nhiều nội dung được cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, xử lý, tiếp thu, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động ban hành và tổ chức thi hành pháp luật, tạo cơ sở quan trọng cho việc hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh.

Công tác kiểm tra việc tổ chức thi hành pháp luật được triển khai theo kế hoạch, tập trung các lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm, có nhiều phản ánh, kiến nghị hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

Công tác thu thập thông tin về thi hành pháp luật được triển khai thông qua các nguồn báo cáo, kiểm tra, khảo sát, làm việc trực tiếp, thông tin từ công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phản ánh trên phương tiện thông tin đại chúng. Thông qua công tác này đã kịp thời phát hiện bất cập của văn bản QPPL và việc tổ chức thi hành, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới. Kết quả thu thập thông tin

¹ Giai đoạn 2020 - 2025, toàn tỉnh đã tổ chức hơn 30.300 cuộc tuyên truyền, PBGDPL trực tiếp với gần 4,2 triệu lượt người tham gia; phát hành miễn phí trên 3,5 triệu tài liệu pháp luật; đăng tải hơn 96.800 tin, bài trên phương tiện thông tin đại chúng.

cũng là căn cứ quan trọng để xác định lĩnh vực trọng tâm theo dõi, kiểm tra, lựa chọn nội dung khảo sát chuyên đề và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

Công tác tự kiểm tra, kiểm tra văn bản QPPL được thực hiện tương đối kịp thời, góp phần phát hiện và xử lý các sai sót về thẩm quyền, nội dung, thể thức và kỹ thuật trình bày². Công tác rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản QPPL được triển khai thường xuyên, kịp thời phát hiện, xử lý các quy định không còn phù hợp và từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật của tỉnh³.

4. Nguồn lực xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh từng bước được củng cố, kiện toàn về số lượng và nâng cao về trình độ chuyên môn, cơ bản đáp ứng yêu cầu tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có 165 cán bộ tham mưu xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật (21 người chuyên ngành luật, 143 người có trình độ đại học chuyên ngành khác, trong đó có 11 cán bộ pháp chế). Nguồn nhân lực thực hiện công tác PBGDPL được quan tâm với 72 báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, 1.414 Tuyên truyền viên pháp luật và 13.328 hòa giải viên ở cơ sở. Tại Sở Tư pháp có 31 biên chế đều có trình độ từ Cử nhân Luật trở lên (trong đó có 10 Thạc sĩ Luật); đội ngũ tham mưu công tác xây dựng, kiểm tra văn bản QPPL là 11 người.

Ở cấp xã, tổng số cán bộ làm công tác tư pháp là 181 người, đa số có trình độ từ Đại học trở lên, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tỉnh đã quan tâm bố trí kinh phí phục vụ công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. HĐND, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về mức chi cho công tác xây dựng, tổ chức thi hành, phổ biến, giáo dục pháp luật.

Trên cơ sở đó, hàng năm ngân sách tỉnh bố trí trung bình khoảng 400 triệu đồng cho công tác xây dựng văn bản QPPL; một số địa phương bố trí nguồn

² Giai đoạn 2020-2025 đã tổ chức tự kiểm tra 281 Quyết định QPPL của UBND tỉnh; thực hiện 45 lượt tự kiểm tra văn bản QPPL của UBND tỉnh ban hành thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành Trung ương; kiểm tra 429 văn bản cấp huyện (trong đó có 174 văn bản QPPL); kiểm tra 28 Quyết định của UBND cấp xã sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp. Trong giai đoạn này đã xử lý 07 Quyết định của UBND tỉnh có sai sót về nội dung theo kiến nghị của Bộ Tư pháp; phát hiện và xử lý 02 văn bản do UBND tỉnh ban hành, 03 văn bản do UBND cấp huyện ban hành có sai sót về nội dung.

³ Giai đoạn 2020 - 2025 đã sửa đổi, bổ sung, thay thế 295 văn bản QPPL của HĐND và UBND tỉnh; xác định 533 văn bản hết hiệu lực toàn bộ và 126 văn bản hết hiệu lực một phần. Ở cấp huyện (trước 01/7/2025), 100% địa phương đã ban hành quyết định công bố danh mục theo quy định. Năm 2025, tỉnh đã rà soát tổng thể 1.127 văn bản ban hành giai đoạn 1991-2025, xác định 670 văn bản hết hiệu lực (175 nghị quyết, 474 quyết định, 21 chỉ thị), 457 văn bản còn hiệu lực (93 nghị quyết, 364 quyết định) và 227 văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ. Đối với kỳ 2019-2023 đã xác định 407 văn bản còn hiệu lực, 284 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, 49 văn bản hết hiệu lực một phần và 29 văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới.

riêng trung bình khoảng 40-50 triệu đồng/năm, một số đơn vị bố trí chung trong kinh phí công tác tư pháp từ 100 đến 250 triệu đồng/năm. Từ năm 2024 đến nay, nguồn kinh phí đã được quan tâm, đặc biệt với cấp tỉnh được cấp trung bình là 1,6 tỷ đồng/năm, góp phần bảo đảm các hoạt động khảo sát, xây dựng chính sách, tổ chức hội nghị, hội thảo, lấy ý kiến, thẩm định, rà soát văn bản. Việc triển khai các quy định mới về nội dung chi, định mức chi theo Nghị quyết số 66-NQ/TW và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, với mức tăng hơn 10 lần so với trước đây đã tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng hoạt động xây dựng văn bản QPPL.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, hạ tầng công nghệ thông tin cơ bản được quan tâm đầu tư, bảo đảm điều kiện làm việc, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Các Công/Trang thông tin điện tử của tỉnh và sở, ngành đã tích hợp chuyên mục lấy ý kiến dự thảo văn bản QPPL. Việc khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật được thực hiện tương đối hiệu quả. Văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được cập nhật kịp thời, đầy đủ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (đến nay đã cập nhật 100%), góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong tra cứu, tiếp cận thông tin pháp luật.

5. Phối hợp trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh cơ bản được triển khai nghiêm túc, từng bước đi vào nền nếp. Việc UBND tỉnh ban hành các Quy chế phối hợp⁴ đã góp phần xác lập rõ cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện. Ở cấp tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và cơ quan liên quan trong việc trao đổi chuyên môn, cung cấp hồ sơ, lấy ý kiến và hoàn thiện dự thảo văn bản theo quy định. Tại cấp cơ sở, cùng với sự hỗ trợ chuyên môn của Phòng Tư pháp, các cơ quan, đơn vị đã chủ động trao đổi, tham vấn về thẩm quyền, nội dung, hình thức văn bản; phối hợp lấy ý kiến đối tượng chịu tác động và các tổ chức, cá nhân liên quan.

Công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương trong tổ chức thi hành pháp luật cũng được chú trọng. Các cơ quan, đơn vị đã tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp trong công tác phổ biến, theo dõi, kiểm tra việc thi hành pháp luật cũng như trong hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Qua đó góp phần bảo đảm các quy định pháp luật được triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ trên địa bàn tỉnh.

⁴ (1) Quy chế phối hợp trong công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, xử lý; rà soát, hệ thống hóa và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, Công báo điện tử tỉnh ban hành Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND; (2) Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi thi hành pháp luật ban hành kèm theo các Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND); Quyết định 15/2022/QĐ-UBND) và nay là Quy chế phối hợp trong công tác tổ chức thi hành văn bản QPPL ban hành kèm theo Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND.

II. HẠN CHẾ TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH PHÁP LUẬT

1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh chủ yếu cụ thể hóa văn bản Trung ương mà thiếu các chính sách để kiến tạo phát triển

Qua rà soát cho thấy, hệ thống văn bản QPPL của tỉnh thời gian qua chủ yếu được ban hành để quy định chi tiết, cụ thể hóa các văn bản của Trung ương; số lượng văn bản đề xuất cơ chế, chính sách mới còn hạn chế, chưa thật sự mang tính định hướng phát triển, tạo lợi thế cạnh tranh, khơi thông nguồn lực hoặc giải quyết hiệu quả các vấn đề đặc thù của địa phương. Giai đoạn từ năm 1991 đến năm 2025, trong tổng số văn bản được ban hành, các văn bản quy định chi tiết chiếm hơn 80%, trong khi các văn bản quy định cơ chế, chính sách của tỉnh chỉ chiếm khoảng 15%.

Thực tiễn cũng cho thấy mặc dù tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, song phạm vi và mức độ tác động của một số chính sách trong các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh còn hạn chế, chưa tạo được động lực phát triển rõ nét. Ví dụ như trong lĩnh vực công nghiệp (các chính sách hiện hành chủ yếu tập trung vào hỗ trợ phát triển dịch vụ logistics) và một số hoạt động hỗ trợ sản xuất, trong khi các cơ chế, chính sách mang tính đột phá nhằm thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển công nghiệp hoặc hình thành các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh còn hạn chế.

Ở một số lĩnh vực, hệ thống chính sách tuy tương đối nhiều nhưng còn phân tán, thiếu trọng tâm, dẫn đến việc triển khai trong thực tiễn còn dàn trải, nguồn lực hỗ trợ bị phân tán và chưa tạo được động lực đủ mạnh để thúc đẩy phát triển trong các lĩnh vực quan trọng.

Bên cạnh đó, một số nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh vẫn chưa được thể chế hóa kịp thời, đầy đủ thông qua các cơ chế, chính sách để tổ chức triển khai thực hiện. Ví dụ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2020 - 2025) xác định một trong năm chương trình trọng điểm là “*phát triển du lịch từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh*”. Mặc dù đã ban hành một số chính sách liên quan đến phát triển du lịch, song việc cụ thể hóa chủ trương của Nghị quyết còn chậm; nội dung chính sách chưa thật sự đầy đủ, chưa tạo được động lực đủ mạnh để thúc đẩy phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

2. Việc thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu văn bản QPPL dựa trên thực tiễn và đánh giá tác động

Quy trình xây dựng chính sách và văn bản QPPL tại một số cơ quan, đơn vị chưa được thực hiện đầy đủ theo phương pháp xây dựng pháp luật dựa trên thực tiễn và đánh giá tác động; việc phân tích chính sách, khảo sát thực tế và đánh giá tác động trong quá trình chuẩn bị dự thảo văn bản có lúc còn hình thức, chưa bảo đảm cung cấp đầy đủ căn cứ thực tiễn cho việc đề xuất và lựa chọn phương án chính sách. Công tác đánh giá tác động chính sách và đánh giá

tác động thủ tục hành chính trong một số trường hợp còn mang tính hình thức, chưa đi sâu phân tích tác động kinh tế - xã hội, chi phí tuân thủ và tính khả thi của chính sách. Hoạt động điều tra, khảo sát, thu thập thông tin và dữ liệu phục vụ phân tích chính sách chưa được thực hiện thường xuyên, dẫn đến việc nhận diện vấn đề và lựa chọn phương án chính sách trong một số trường hợp chưa thật sự toàn diện, chủ yếu dựa trên kinh nghiệm quản lý hoặc yêu cầu xử lý tình huống phát sinh.

Việc lấy ý kiến đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách đối với một số dự thảo văn bản chưa bảo đảm tính thực chất; nội dung xin ý kiến còn dàn trải, chưa xác định rõ các vấn đề trọng tâm cần tham vấn. Việc góp ý của một số cơ quan, đơn vị còn chung chung, thiếu phân tích và căn cứ thực tiễn. Công tác tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý trong một số trường hợp chưa được thực hiện đầy đủ, khoa học, làm giảm hiệu quả của quá trình phản biện và phối hợp liên ngành trong xây dựng chính sách.

Việc tuân thủ quy định về thành phần hồ sơ trong quy trình xây dựng văn bản tại một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm túc; vẫn còn tình trạng hồ sơ gửi thẩm định thiếu các tài liệu bắt buộc như: báo cáo đánh giá tác động chính sách, bản đánh giá thủ tục hành chính, báo cáo tổng kết thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội, bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản. Một số trường hợp chậm tổ chức lấy ý kiến, chậm gửi hồ sơ thẩm định hoặc chậm hoàn thiện dự thảo văn bản, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng tham mưu ban hành văn bản.

3. Chất lượng chính sách chưa đồng đều, tính khả thi của một số chính sách chưa cao

Một số chính sách có mức độ đi vào cuộc sống, khả năng hấp thu chính sách còn thấp; có chính sách giải ngân thấp, có nội dung hỗ trợ không phát sinh hoặc phát sinh rất ít đối tượng thụ hưởng mức hỗ trợ thấp. Cụ thể như cơ chế chính sách trong một số lĩnh vực kinh tế, đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, khoa học - công nghệ, văn hóa - xã hội... mức hỗ trợ còn thấp hoặc điều kiện thụ hưởng khó tiếp cận⁵. Bên cạnh đó, một số văn bản chưa dự kiến đầy đủ nguồn lực bảo đảm thi hành, không có đối tượng tham gia đăng ký để hưởng chính sách⁶.

Một số cơ chế, chính sách mới chỉ có quy định mang tính giải quyết vấn đề phát sinh trước mắt, chưa được nghiên cứu, đánh giá đầy đủ tác động tổng

⁵ Ví dụ theo báo cáo ban hành kèm theo Văn bản số 6685/SNNMT-PTNTQLCL ngày 31/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thì kết quả thực hiện các chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND sau 04 năm cho thấy một số chính sách có tỷ lệ giải ngân rất thấp, như chính sách phát triển trồng trọt giai đoạn 2022 - 10 tháng đầu năm 2025 chỉ đạt 1,4% kế hoạch; chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề chỉ có 01/13 làng nghề tiếp cận; chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại chỉ giải ngân khoảng 1% kế hoạch. Chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 (quy định tại Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND) chỉ đạt khoảng 35% so với dự toán, nhiều nội dung hỗ trợ không phát sinh đối tượng thụ hưởng hoặc phát sinh rất ít.

⁶ Theo Văn bản số 2877/SGTVT-KHTC ngày 17/10/2024 của Sở Giao thông vận tải; Văn bản số 5262/STC-GCS&TCĐN ngày 14/11/2024 của Sở Tài chính thì Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND về chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn trong quá trình thực hiện do không có doanh nghiệp đăng ký tham gia, một phần do nhu cầu đi lại bằng xe buýt giảm, đồng thời các cơ chế hỗ trợ như thời gian vay vốn, mức lãi suất hỗ trợ chưa đủ hấp dẫn để thu hút nhà đầu tư.

thể, dài hạn, dẫn đến khi ban hành chưa dự liệu hết các tình huống phát sinh trong thực tiễn nên phải sửa đổi, bổ sung trong thời gian ngắn⁷.

Kết quả rà soát cho thấy còn 227 văn bản trên nhiều lĩnh vực như nông nghiệp và môi trường, tài chính, khoa học và công nghệ, nội vụ... cần được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc công bố hết hiệu lực. Con số này phản ánh khá rõ áp lực hoàn thiện thể chế của tỉnh trong giai đoạn tới và đòi hỏi phải có lộ trình xử lý theo thứ tự ưu tiên, thay vì dàn đều, thiếu trọng tâm.

4. Tổ chức thi hành pháp luật vẫn là khâu yếu, chưa được đánh giá ngang tầm với xây dựng pháp luật

Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác tổ chức thi hành pháp luật; việc xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong quản lý nhà nước chưa thật sự rõ nét. Vì vậy, sau khi văn bản được ban hành, khâu tổ chức triển khai ở một số nơi còn chậm, thiếu chiều sâu và chưa gắn với kiểm tra kết quả thực hiện.

Công tác tổ chức thi hành pháp luật tại một số sở, ban, ngành và địa phương chưa được triển khai một cách toàn diện, còn mang tính thụ động, chủ yếu thực hiện khi có văn bản hoặc kế hoạch được ban hành. Chưa hình thành quy trình tổ chức thi hành pháp luật đồng bộ từ khâu truyền thông chính sách sớm, hướng dẫn thi hành, theo dõi kết quả thực hiện, đến việc thu thập, xử lý vướng mắc và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật.

Việc tổ chức triển khai thi hành một số văn bản QPPL chưa đảm bảo kịp thời; công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách chưa thực sự hiệu quả, dẫn đến người dân, doanh nghiệp và đối tượng thụ hưởng chưa nắm rõ quyền lợi, chưa tiếp cận đầy đủ thông tin về chính sách. Do đó, một số chính sách chưa thực sự đi vào cuộc sống, tỷ lệ giải ngân còn thấp như chính sách hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường giai đoạn 2023 - 2025; chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp tỷ lệ giải ngân chỉ đạt 30% so với dự toán đã phân bổ trong giai đoạn...

Hoạt động truyền thông dự thảo chính sách, dự thảo văn bản QPPL chủ yếu vẫn được thực hiện thông qua việc đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và ban hành văn bản lấy ý kiến, trong khi việc tổ chức các hội nghị, tọa đàm chuyên sâu, các hình thức đối thoại trực tiếp hoặc thông qua chương trình truyền hình, phóng sự để trao đổi, lấy ý kiến về dự thảo chính sách còn hạn chế.

Công tác tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được thực hiện thường xuyên, đầy đủ và kịp thời.

⁷ Nghị quyết số 276/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container và đối tượng có hàng hóa vận chuyển bằng container qua cảng Vũng Áng được ban hành ngày 28/4/2021 nhưng sau đó đã phải sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 nhằm điều chỉnh các nội dung liên quan đến hồ sơ và quy trình thực hiện; Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 về một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 cũng được sửa đổi, bổ sung sau một năm ban hành bởi Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND.

Hoạt động kiểm tra văn bản chưa gắn kết chặt chẽ với công tác rà soát, hệ thống hóa và tổ chức thi hành pháp luật, dẫn đến việc phát hiện, xử lý văn bản có nội dung chưa phù hợp còn chậm. Việc rà soát ở một số đơn vị còn mang tính hình thức, lúng túng trong cách thực hiện nên chất lượng, hiệu quả chưa cao; việc xác định hiệu lực, lập và công bố danh mục văn bản hết hiệu lực ở một số trường hợp còn chưa chính xác, chưa kịp thời theo quy định.

Chất lượng và hiệu quả của công tác tập huấn, bồi dưỡng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Một số chương trình tập huấn còn nặng về lý thuyết, thiếu nội dung thực hành, ví dụ minh họa và bài tập xử lý tình huống cụ thể gắn với công tác quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, giải quyết tranh chấp và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, dẫn đến việc tiếp thu và vận dụng kiến thức vào thực tiễn công tác tại cơ sở còn hạn chế. Việc xây dựng và tổ chức kế hoạch bồi dưỡng chuyên sâu theo từng ngành, lĩnh vực của các sở, ngành chuyên môn chưa thực sự chủ động và đồng bộ. Phần lớn các hoạt động bồi dưỡng hiện nay vẫn tập trung vào các lớp tập huấn chung hoặc lồng ghép nhiều nội dung, chưa chú trọng tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu theo lĩnh vực quản lý, do đó chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao kỹ năng, năng lực thực thi nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác chuyên môn tại các sở, ngành và địa phương.

Công tác kiểm tra việc tổ chức thi hành pháp luật chưa phát huy đầy đủ hiệu quả. Nội dung kiểm tra ở một số trường hợp còn tập trung vào hồ sơ, thủ tục, chưa đi sâu đánh giá kết quả thực hiện, mức độ tuân thủ pháp luật và nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc phát sinh tại cơ sở; việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận kiểm tra cũng chưa thường xuyên, chưa gắn rõ trách nhiệm khắc phục.

5. Cơ chế tiếp nhận, phản hồi và khai thác thông tin thực tiễn phục vụ hoàn thiện pháp luật còn hạn chế

Mặc dù đã vận hành Hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL và duy trì kênh tiếp nhận trực tiếp, hiệu quả khai thác các kênh thông tin này còn hạn chế. Từ ngày 31/5/2025 (thời điểm bắt đầu vận hành Hệ thống) đến ngày 01/3/2026, Hệ thống chỉ ghi nhận 03 phản ánh, kiến nghị và đều không thuộc phạm vi tiếp nhận, xử lý; con số này cho thấy cơ chế truyền thông, hướng dẫn sử dụng và khai thác phản hồi chính sách từ thực tiễn còn rất yếu.

Bên cạnh đó, việc tiếp nhận và xử lý kiến nghị bằng hình thức trực tiếp giữa các cơ quan, đơn vị chưa được triển khai đồng bộ. Một số sở, ban, ngành và địa phương chưa xác định rõ đây là nhiệm vụ thường xuyên, chưa bố trí đầu mối theo dõi, tổng hợp và xử lý kiến nghị về văn bản QPPL. Chất lượng phản hồi kiến nghị chưa đồng đều; trong một số trường hợp việc trả lời còn dừng ở mức giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật, chưa gắn với việc rà soát, đánh giá nội dung văn bản để phát hiện các quy định bất cập, chồng chéo hoặc không còn phù hợp theo nội dung kiến nghị. Do đó, các phản ánh, kiến nghị chưa thực sự

được khai thác như một nguồn thông tin quan trọng phục vụ việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL.

Ngoài ra, việc thu thập thông tin về tình hình thi hành văn bản QPPL vẫn chủ yếu dựa vào chế độ báo cáo định kỳ, trong khi các phương thức thu thập thông tin trực tiếp, đa chiều từ thực tiễn như điều tra, khảo sát, thông tin từ báo chí, cổng thông tin điện tử, hoạt động thanh tra, kiểm tra hoặc phản ánh của người dân, doanh nghiệp chưa được khai thác hiệu quả. Nội dung báo cáo còn mang tính mô tả, thiếu phân tích sâu về những vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành pháp luật; đồng thời cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan, đơn vị chưa chặt chẽ. Phản ánh từ người dân, doanh nghiệp và cơ sở chưa trở thành đầu vào thường xuyên của quá trình hoàn thiện pháp luật, các quy định pháp luật dễ chậm được điều chỉnh so với yêu cầu thực tiễn, dẫn đến tình trạng một số quy định chồng chéo, không còn phù hợp nhưng chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

6. Nguồn lực thực hiện công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật còn mỏng, chưa chuyên nghiệp và chưa đáp ứng yêu cầu

Đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ tham mưu xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật tại các sở, ban, ngành và địa phương còn hạn chế cả về số lượng lẫn chất lượng. Vấn đề đáng lưu ý không chỉ là thiếu người, mà còn là thiếu nhân lực có kỹ năng phân tích chính sách, tham vấn, thẩm định, rà soát và theo dõi thi hành pháp luật theo tinh thần đổi mới của Nghị quyết số 66-NQ/TW.

Riêng đối với Sở Tư pháp, hiện mới bố trí được 31 biên chế công chức/36 vị trí việc làm; trong đó các vị trí liên quan đến xây dựng pháp luật, kiểm tra văn bản QPPL và theo dõi thi hành pháp luật chưa được bố trí đủ, dẫn đến áp lực công việc lớn tại các phòng chuyên môn. Ở cấp xã, biên chế công chức tư pháp hiện mới đạt khoảng 74% số biên chế được giao; vẫn còn 04 công chức chưa được đào tạo chuyên ngành luật. Trong khi đó, khối lượng công việc ngày càng tăng do yêu cầu cải cách hành chính, thực hiện thủ tục hành chính và nhu cầu giải quyết thủ tục của người dân, doanh nghiệp ngày càng lớn, tạo áp lực đáng kể đối với đội ngũ công chức tư pháp ở cơ sở.

Về chất lượng, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ của đội ngũ công chức làm công tác pháp luật còn chưa đồng đều; số lượng cán bộ được đào tạo chuyên sâu về pháp luật còn hạn chế. Công tác đào tạo, bồi dưỡng hiện nay chủ yếu mới dừng ở việc cập nhật kiến thức pháp luật cơ bản hoặc các quy định pháp luật mới, chưa có điều kiện tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu về phân tích chính sách, đánh giá tác động pháp luật hoặc xử lý các vấn đề pháp lý phức tạp.

Ở cấp xã, số công chức tư pháp hộ tịch còn mỏng, cá biệt một số địa phương chỉ bố trí một, hai người, có một số trường hợp chưa được đào tạo đúng chuyên ngành luật, năng lực còn hạn chế nên gặp khó khăn trong tham mưu xây dựng văn bản, tổ chức thi hành pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về pháp luật tại địa phương.

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật chủ yếu được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị nên mức phân bổ còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng tăng dẫn đến nhiều hoạt động quan trọng như khảo sát thực tiễn, đánh giá tác động chính sách, tổ chức hội nghị lấy ý kiến đối tượng chịu tác động... chưa được triển khai đầy đủ, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Cơ sở vật chất phục vụ công tác này chưa được đầu tư đồng bộ, đặc biệt ở cấp cơ sở. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật còn chưa hiệu quả; hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu pháp luật chưa được đầu tư đầy đủ, chưa hình thành hệ thống dữ liệu thống nhất, liên thông, bảo đảm yêu cầu “đúng, đủ, sạch, sống”. Công tác lưu trữ, cập nhật, thống kê và tổng hợp số liệu vẫn chủ yếu thực hiện thủ công, làm tăng khối lượng công việc và giảm tính chính xác, kịp thời trong công tác báo cáo, tham mưu. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý, theo dõi, đánh giá tình hình thi hành văn bản QPPL, đồng thời làm giảm tính kịp thời và minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện.

7. Cơ chế phối hợp và huy động trí tuệ xã hội cho xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật chưa rõ nét, hiệu quả chưa cao

Việc phối hợp giữa cơ quan chủ trì soạn thảo với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản ở một số trường hợp vẫn chủ yếu tập trung vào việc thực hiện các thủ tục theo quy định, chưa phát huy đầy đủ vai trò tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trong việc góp ý, phản biện và hoàn thiện chính sách ngay từ giai đoạn xây dựng văn bản. Vai trò giám sát, phản biện xã hội và việc tập hợp, phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đối với việc thực hiện pháp luật ở một số lĩnh vực chưa được phát huy đầy đủ, việc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành pháp luật có thời điểm còn chưa kịp thời.

Công tác phối hợp trong PBGDPL giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự chặt chẽ, chưa tập trung theo chuyên đề, nhóm đối tượng và lĩnh vực pháp luật trọng tâm; việc đánh giá hiệu quả phối hợp chưa được thực hiện thường xuyên và chưa có cơ chế cụ thể làm căn cứ theo dõi, điều chỉnh. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp công nghệ, đơn vị viễn thông trong xây dựng, vận hành các nền tảng số phục vụ PBGDPL còn hạn chế.

Bên cạnh đó, việc huy động sự tham gia của đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, đội ngũ luật sư, luật gia, chuyên gia pháp lý, giảng viên, các tổ chức xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong quá trình xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật còn hạn chế; cơ chế tham vấn chính sách chuyên sâu, thường xuyên chưa được hình thành rõ nét.

III. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Nguyên nhân khách quan

- Hệ thống pháp luật của Trung ương thay đổi nhanh, phạm vi điều chỉnh

rộng; số lượng văn bản do Trung ương ban hành lớn, thường xuyên được sửa đổi, bổ sung, đặc biệt là khi xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp, dẫn đến áp lực lớn cho địa phương trong việc cập nhật, rà soát, bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống văn bản QPPL.

- Một số quy định của Trung ương giao địa phương quy định chi tiết để tổ chức thực hiện nhưng chưa rõ về nội dung, thẩm quyền ban hành văn bản hoặc giao địa phương quy định chi tiết rất nhiều nội dung trong đó có những nội dung mới và khó, dẫn đến lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện. Một số văn bản của Trung ương có hiệu lực thi hành ngay khi ban hành nên địa phương không thể kịp thời ban hành văn bản quy định chi tiết để có hiệu lực cùng thời điểm với văn bản giao quy định chi tiết theo đúng quy định.

- Trước yêu cầu đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, Hà Tĩnh đang đứng trước nhiều thời cơ và yêu cầu phát triển mới, với mục tiêu trở thành một cực tăng trưởng quan trọng của khu vực Bắc Trung Bộ, phát huy lợi thế kinh tế biển, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các ngành công nghiệp, dịch vụ hiện đại gắn với Khu kinh tế Vũng Áng. Trong bối cảnh đó, tỉnh đồng thời phải giải quyết nhiều nhiệm vụ lớn như: tiếp tục tinh gọn tổ chức bộ máy, vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh cải cách hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ cơ sở. Điều này đặt ra yêu cầu phải xây dựng, hoàn thiện kịp thời hệ thống cơ chế, chính sách và văn bản QPPL của tỉnh, trong khi nguồn lực và các điều kiện bảo đảm cho công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật vẫn còn nhiều hạn chế.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức của một bộ phận cơ quan, đơn vị và người đứng đầu về vai trò của công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật chưa đầy đủ; ở một số nơi vẫn xem đây chủ yếu là nhiệm vụ của cơ quan tư pháp hoặc nhiệm vụ mang tính thủ tục.

- Chất lượng tham mưu ở một số khâu còn hạn chế, nhất là đánh giá tác động chính sách, khảo sát thực tiễn, tham vấn đối tượng chịu tác động, giải trình tiếp thu và theo dõi thi hành pháp luật; cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan chưa thật sự chặt chẽ.

- Năng lực tham mưu xây dựng chính sách và pháp luật của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế, thiếu tính chuyên sâu; kỹ năng phân tích chính sách, đánh giá tác động, tổng kết thực tiễn và dự báo tình hình trong quá trình xây dựng văn bản QPPL chưa cao, việc xử lý các vấn đề pháp lý phức tạp trong một số lĩnh vực còn gặp khó khăn.

- Kinh phí và điều kiện kỹ thuật phục vụ công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật còn hạn chế; trong khi đó khối lượng nhiệm vụ tăng nhanh, yêu cầu ngày càng cao.

PHẦN III

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

A. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Việc đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh phải được triển khai trên cơ sở quán triệt đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng về hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quản lý nhà nước bằng pháp luật, đặc biệt là tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW; đồng thời phải bám sát yêu cầu phát triển của tỉnh, yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp và nguyên tắc rõ việc, rõ người, rõ thời hạn, rõ kết quả.

- Thể chế phải đi trước một bước, mở đường cho phát triển, công tác xây dựng văn bản QPPL của tỉnh phải chuyển từ tư duy quy định quản lý sang tư duy kiến tạo thể chế phát triển, chủ động phát hiện các điểm nghẽn thể chế trong thực tiễn để kịp thời đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh và đổi mới sáng tạo. Văn bản QPPL của tỉnh không chỉ dừng lại ở việc cụ thể hóa quy định của Trung ương mà phải từng bước trở thành công cụ định hướng phát triển, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương.

- Quá trình xây dựng văn bản QPPL phải chú trọng tham vấn đầy đủ các đối tượng chịu tác động, sử dụng dữ liệu thực tiễn. Việc xây dựng văn bản QPPL phải gắn chặt với tổng kết thực tiễn, bảo đảm mỗi chính sách được ban hành đều có cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn và khả năng triển khai trong thực tế.

- Tổ chức thi hành pháp luật giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm thể chế được triển khai đồng bộ, thống nhất và phát huy hiệu lực, hiệu quả trong thực tiễn quản lý nhà nước, chất lượng của hệ thống pháp luật không chỉ được đo bằng số lượng văn bản ban hành mà quan trọng hơn là mức độ đi vào cuộc sống của văn bản QPPL. Do đó, đổi mới công tác pháp luật phải chuyển trọng tâm từ “ban hành văn bản” sang quản trị việc thi hành pháp luật, bảo đảm mọi chính sách sau khi ban hành đều được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả, có cơ chế theo dõi, đánh giá và điều chỉnh phù hợp.

- Đổi mới công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật phải gắn với chuyển đổi số và hiện đại hóa quản trị nhà nước trong đó cần phải số hóa hệ thống văn bản, xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật của tỉnh, ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi thi hành pháp luật.

- Coi công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật là nhiệm vụ chung của toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó chính quyền các cấp giữ vai trò tổ chức thực hiện, cơ quan tư pháp giữ vai trò tham mưu, điều phối, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân tham gia phản biện, góp ý và giám sát. Việc huy động trí tuệ của xã hội và phát huy cơ chế phối hợp liên ngành sẽ góp phần nâng cao chất lượng chính sách và hiệu quả thi hành pháp luật.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới toàn diện, thực chất công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo hướng kỷ cương, chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, khả thi và có thể đo lường được; bảo đảm pháp luật thực sự trở thành công cụ phát triển, hỗ trợ cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến năm 2030, cơ bản hình thành hệ thống quản trị pháp luật của tỉnh theo hướng hiện đại, dựa trên dữ liệu và đánh giá hiệu quả thực thi, trong đó công tác xây dựng pháp luật được thực hiện theo phương pháp phân tích chính sách khoa học, công tác tổ chức thi hành pháp luật được quản trị bằng cơ chế theo dõi, đánh giá thường xuyên; pháp luật của tỉnh thực sự trở thành công cụ điều hành phát triển, bảo đảm kỷ cương, pháp quyền trong quản lý nhà nước.

Định hướng đến năm 2035, xây dựng Hà Tĩnh trở thành địa phương có hệ thống pháp luật địa phương minh bạch, ổn định, có chất lượng cao, có khả năng dự báo và thích ứng tốt với yêu cầu phát triển, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho đầu tư, kinh doanh và đổi mới sáng tạo.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Từng bước nâng cao chất lượng chính sách và văn bản QPPL của tỉnh theo hướng khoa học, minh bạch và khả thi, bảo đảm các văn bản được ban hành đúng thẩm quyền, đúng quy trình, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Phấn đấu đến năm 2030:

- 100% dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền cấp tỉnh được lấy ý kiến theo đúng quy định; tối thiểu 50% dự thảo chính sách lớn được lấy ý kiến chuyên gia, nhà khoa học trước khi trình ban hành.

- 100% văn bản QPPL của tỉnh được cập nhật đầy đủ, kịp thời trên cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia, Công báo điện tử của tỉnh.

- Phấn đấu giảm tối thiểu 30% số văn bản QPPL phải sửa đổi, bổ sung trong vòng 24 tháng kể từ khi ban hành do bất cập về chất lượng chính sách hoặc kỹ thuật xây dựng văn bản.

Định hướng đến năm 2035: Hình thành mô hình xây dựng chính sách dựa trên dữ liệu và phân tích thực tiễn, trong đó mọi chính sách lớn của tỉnh đều được nghiên cứu, phân tích tác động đầy đủ trước khi ban hành. Từng bước xây dựng cơ chế phản biện chính sách thường xuyên với sự tham gia của chuyên gia, người dân và doanh nghiệp.

2.2.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật

Bảo đảm pháp luật được triển khai kịp thời, nghiêm minh, thống nhất trên địa bàn tỉnh; hình thành cơ chế tổ chức thi hành pháp luật theo hướng quản trị kết quả, có theo dõi, đánh giá, phản hồi và xử lý trách nhiệm rõ ràng.

Phấn đấu đến năm 2030:

- 100% văn bản QPPL của tỉnh sau khi ban hành được xác định rõ cơ quan chủ trì tổ chức thi hành; 100% văn bản được ban hành hoặc lồng ghép kế hoạch tổ chức thi hành, phổ biến, quán triệt theo thời hạn phù hợp.

- 100% văn bản QPPL của tỉnh được theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo cơ chế định kỳ.

- 100% phản ánh, kiến nghị liên quan đến văn bản QPPL được tiếp nhận; 100% phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền được xử lý dứt điểm hoặc trả lời đúng thời hạn theo quy định.

- Hàng năm, thực hiện rà soát 100% số văn bản QPPL còn hiệu lực để kịp thời phát hiện và xử lý các quy định không còn phù hợp.

Định hướng đến năm 2035: Vận hành có hiệu quả hệ thống theo dõi thi hành pháp luật dựa trên dữ liệu số, cho phép đánh giá thường xuyên mức độ thực thi và hiệu quả của chính sách. Thiết lập cơ chế phản hồi chính sách từ thực tiễn giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân.

2.2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật chuyên nghiệp

Từng bước kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp luật tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo hướng chuyên nghiệp, đủ năng lực tham mưu chính sách và tổ chức thi hành pháp luật. Chỉ số đo lường đến năm 2030:

- Đến Quý II năm 2027, 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh bố trí cán bộ làm công tác pháp chế theo quy định.

- 100% cán bộ làm công tác pháp luật được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ định kỳ hàng năm.

- Tăng tối thiểu 20% số cán bộ có trình độ chuyên sâu về pháp luật và xây dựng chính sách so với giai đoạn trước.

Định hướng đến năm 2035: Hình thành đội ngũ chuyên gia pháp luật và chính sách của tỉnh, có năng lực nghiên cứu, phân tích và đề xuất chính sách phục vụ phát triển địa phương.

2.2.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

Đến năm 2030, tăng tốc chuyển đổi số trong toàn bộ quy trình xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, ưu tiên số hóa dữ liệu, kết nối thông tin và hình thành công cụ điều hành phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo. Chỉ số đo lường đến năm 2030:

- 100% văn bản QPPL của tỉnh được số hóa và tích hợp trên cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia, Công báo điện tử của tỉnh.

- Phấn đấu 100% hoạt động tổng hợp, theo dõi, báo cáo về rà soát, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật ở cấp tỉnh được thực hiện trên môi trường số; từng bước chuẩn hóa, mở rộng kết nối đến cấp xã theo lộ trình phù hợp.

- 100% thông tin về văn bản QPPL được công khai trên môi trường số, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận pháp luật.

Định hướng đến năm 2035: Hình thành hệ thống quản trị pháp luật số của tỉnh, kết nối với cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia và các hệ thống quản lý nhà nước khác.

B. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật

1.1. Đổi mới tư duy từ quy định cụ thể sang hoàn thiện thể chế để phục vụ phát triển

- Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật phải được đặt trong tổng thể yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với mục tiêu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, khơi thông các nguồn lực và nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, ưu tiên tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL trong các lĩnh vực trọng tâm như: phát triển công nghiệp - xây dựng, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng và logistics; phát triển Khu kinh tế Vũng Áng trở thành trung tâm công nghiệp - năng lượng - cảng biển - logistics của khu vực; phát triển kinh tế tư nhân, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; thúc đẩy kinh tế số, chuyển đổi số, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp theo chuỗi giá trị; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Việc xây dựng, ban hành văn bản QPPL phải gắn với thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng GRDP, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Đồng thời, bảo đảm sự gắn kết với các đề án, chương trình lớn của tỉnh như: Đề án mở rộng Khu kinh tế Vũng Áng; Đề án phát triển doanh nghiệp Hà Tĩnh đến năm 2030; Đề án phát triển quỹ đất tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2025 - 2030; Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030 và những năm tiếp theo; Đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn và hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường giai đoạn 2026 - 2030; Đề án xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030; Đề án phát triển các ngành công nghiệp văn hóa tỉnh Hà Tĩnh;...

- Việc xây dựng văn bản QPPL phải vừa kịp thời cụ thể hóa các quy định của Trung ương, vừa chủ động phát hiện, tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế,

nhất là trong những lĩnh vực tác động trực tiếp đến tăng trưởng và phát triển của tỉnh. Chủ động rà soát, phân tích, dự báo nhu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản trên cơ sở các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và các chiến lược lớn của tỉnh như: phát triển “một trung tâm động lực”, “ba hành lang kinh tế”, “bốn ngành trọng điểm”, “ba vùng đô thị”, cùng các đột phá về chuyển đổi số, phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực chất lượng cao. Qua đó kịp thời thể chế hóa chủ trương, hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ phát triển; hạn chế tình trạng ban hành văn bản mang tính xử lý tình huống, thiếu tầm nhìn trung hạn và dài hạn.

- Rà soát, hoàn thiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND cấp xã theo hướng xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong từng khâu của công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; gắn trách nhiệm cá nhân với tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

1.2. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu

- Duy trì nền nếp giao ban chuyên đề về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật ở cấp tỉnh và tại từng cơ quan, đơn vị; kịp thời nắm bắt khó khăn, vướng mắc, xử lý các vấn đề phát sinh và kiểm soát tiến độ thực hiện nhiệm vụ pháp luật theo lĩnh vực phụ trách.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và phân công rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong từng khâu của quy trình xây dựng văn bản QPPL và tổ chức thi hành pháp luật, đồng thời tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện. Đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì trong từng khâu của quy trình, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm mọi hành vi tham nhũng, tiêu cực, “cài cắm” lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ trong dự thảo văn bản theo đúng Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

- Thực hiện nghiêm việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân gắn với kết quả công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; lấy chất lượng văn bản, hiệu quả thực hiện và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm tiêu chí quan trọng trong công tác thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm.

- Xem xét trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tình trạng tham mưu ban hành văn bản trái pháp luật, chậm tham mưu văn bản quy định chi tiết hoặc tổ chức thi hành không kịp thời, không hiệu quả.

1.3. Thiết lập cơ chế điều hành tập trung, thống nhất

- Giao Sở Tư pháp là cơ quan thường trực tham mưu UBND tỉnh điều phối thống nhất công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh; định kỳ tham mưu UBND tỉnh họp chuyên đề để rà soát tiến độ xây dựng văn bản, tình hình thi hành pháp luật, các điểm nghẽn thể chế và phương án xử lý. Văn phòng UBND tỉnh phối hợp theo dõi tiến độ, đôn đốc thực hiện và lồng ghép kết quả công tác pháp luật với điều hành chung của UBND tỉnh.

- Triển khai cơ chế soạn thảo tập trung, chuyên nghiệp đối với các dự thảo quan trọng, phức tạp, có phạm vi tác động lớn nhằm nâng cao chất lượng nội dung và tính khả thi của văn bản QPPL; huy động đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu, kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng xây dựng pháp luật; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chủ trì soạn thảo với các cơ quan liên quan ngay từ đầu.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao chất lượng xây dựng chính sách và văn bản quy phạm pháp luật

2.1. Đổi mới việc thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo hướng khoa học, thực chất, nâng cao chất lượng từ giai đoạn đầu vào của chính sách

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng quy trình xây dựng văn bản QPPL; nâng cao chất lượng đề xuất chính sách, đánh giá tác động chính sách và đánh giá tác động thủ tục hành chính; tăng cường khảo sát thực tiễn, lấy ý kiến đối tượng chịu tác động, chuyên gia, nhà khoa học; bảo đảm việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý thực chất. Hồ sơ trình thẩm định phải được kiểm soát chặt ngay từ đầu, không để tình trạng đủ về hình thức nhưng yếu về cơ sở thực tiễn và tính khả thi.

- Trước khi đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản QPPL, cần tổ chức sơ kết, tổng kết việc thi hành các quy định hiện hành để làm rõ kết quả đạt được, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, tổng hợp, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, căn cứ thực tiễn và pháp lý để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định bảo đảm đúng đắn, toàn diện và sát thực tế.

2.2. Đổi mới cơ chế tham vấn và phản biện chính sách

- Đổi mới cơ chế phản biện xã hội và tham vấn chính sách theo hướng thực hiện sớm ngay từ giai đoạn đề xuất chính sách, không chờ đến khi dự thảo đã cơ bản hoàn thiện. Đối với các dự thảo quan trọng, có phạm vi tác động rộng, cơ quan chủ trì soạn thảo phải tổ chức các cuộc phản biện, đối thoại hoặc tham vấn chuyên đề để làm rõ các vấn đề lớn, nội dung còn có ý kiến khác nhau và điều kiện bảo đảm thi hành.

- Đa dạng hóa các hình thức tham vấn chính sách trong quá trình xây dựng văn bản QPPL thông qua việc tổ chức các hội thảo, tọa đàm, đối thoại chính sách, khảo sát thực tiễn và lấy ý kiến trực tuyến đối với các dự thảo có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân; bảo đảm lựa chọn đúng đối tượng tham gia, tập trung vào các nội dung chính sách trọng tâm để kịp thời phát hiện bất cập, qua đó hoàn thiện dự thảo theo hướng khả thi và phù hợp với thực tiễn.

- Xây dựng thiết lập mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học theo lĩnh vực đề tham vấn thường xuyên. Đối với các chính sách lớn, quan trọng, cơ quan soạn thảo sẽ đặt hàng các báo cáo phản biện độc lập để có cái nhìn đa chiều, phản biện lại các phương án chính sách do cơ quan nhà nước đề xuất.

- Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc tham gia góp ý

xây dựng văn bản QPPL, đặc biệt là các cơ quan trực tiếp tổ chức thực hiện; bảo đảm việc tham gia ý kiến được thực hiện nghiêm túc, có chất lượng, thông qua việc tổ chức lấy ý kiến tập thể lãnh đạo và các phòng chuyên môn, đồng thời thể hiện rõ quan điểm đối với các nội dung của dự thảo văn bản.

2.3. Tăng cường chất lượng thẩm định, kiểm tra và tự kiểm tra văn bản

- Nâng cao trách nhiệm của cơ quan soạn thảo văn bản QPPL trong việc chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần, bảo đảm chất lượng để cơ quan thẩm định có thời gian nghiên cứu, đánh giá toàn diện. Bảo đảm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định nghiêm túc, minh bạch; các nội dung không tiếp thu phải làm rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn.

- Đổi mới phương pháp thẩm định theo hướng phân tích sâu nội dung chính sách, đánh giá đầy đủ tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ, chi phí tuân thủ, nguồn lực bảo đảm và tính khả thi của dự thảo văn bản. Việc thẩm định phải gắn với trách nhiệm cá nhân, bảo đảm độc lập, khách quan và có kiến nghị rõ ràng đối với từng vấn đề còn bất cập. Chủ động mời đại diện các Ban của HĐND tham gia Hội đồng thẩm định hoặc các cuộc họp thẩm định khi thẩm định các dự thảo Nghị quyết.

- Nâng cao chất lượng nội dung báo cáo thẩm định, tập trung phân tích, đánh giá toàn diện sự cần thiết ban hành, tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật; đồng thời đi sâu xem xét tính khả thi và các điều kiện bảo đảm thi hành, nhất là về nguồn lực tổ chức thực hiện. Nội dung thẩm định phải rõ ràng, có lập luận, căn cứ cụ thể và thể hiện đầy đủ quan điểm chính thức của cơ quan thẩm định.

- Tăng cường tự kiểm tra, kiểm tra văn bản sau ban hành, nhất là những văn bản mới, văn bản liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp hoặc lĩnh vực dễ phát sinh vướng mắc nhằm kịp thời phát hiện và đề xuất xử lý các quy định có dấu hiệu trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với thực tiễn. Công tác kiểm tra cần gắn chặt với kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và thông tin từ hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo để kịp thời nhận diện các quy định phát sinh vướng mắc trong quá trình áp dụng.

- Phát huy vai trò cơ quan đầu mối của Sở Tư pháp, tăng cường hướng dẫn, đôn đốc và tổ chức kiểm tra văn bản theo thẩm quyền; kịp thời tổng hợp, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các văn bản có nội dung chưa phù hợp.

2.4. Rà soát, hệ thống hóa, chuẩn hóa toàn bộ hệ thống văn bản của tỉnh

Căn cứ kết quả tổng rà soát tại Phụ lục II, tiếp tục thực hiện rà soát có trọng tâm theo từng nhóm lĩnh vực và từng nhóm vấn đề chính sách; trước mắt ưu tiên xử lý các văn bản bị tác động bởi việc sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, thay đổi căn cứ pháp lý hoặc phát sinh nhiều vướng mắc trong thực tiễn. Việc rà soát phải gắn với thứ tự ưu tiên, thời hạn xử lý và trách nhiệm cơ quan tham mưu, tránh dàn trải và kéo dài.

3. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới căn bản công tác tổ chức thi hành pháp luật

3.1. Xác định tổ chức thi hành pháp luật là khâu trọng tâm trong quản lý nhà nước bằng pháp luật

- Nâng cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo trong tổ chức thi hành pháp luật của tỉnh. Cơ quan chủ trì soạn thảo phải chủ động chuẩn bị kế hoạch triển khai, tài liệu hướng dẫn, phương án tập huấn, đầu mối theo dõi và cơ chế tiếp nhận phản hồi ngay sau khi văn bản được ban hành, bảo đảm văn bản được triển khai thống nhất, kịp thời và hiệu quả..

- Thực hiện theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thi hành, kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng để hướng dẫn hoặc kiến nghị xử lý, bảo đảm các quy định của văn bản được triển khai thống nhất, kịp thời và hiệu quả trong thực tiễn.

3.2. Thiết lập chu trình quản trị thi hành pháp luật đầy đủ

- Xây dựng, ban hành hướng dẫn về tổ chức thi hành pháp luật theo chu trình gồm 06 khâu: truyền thông chính sách sớm; hướng dẫn triển khai; tổ chức thực hiện; theo dõi kết quả; tiếp nhận phản hồi; rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ văn bản QPPL..

- Tổ chức quán triệt, hướng dẫn các sở, ban, ngành và địa phương áp dụng thống nhất quy định/hướng dẫn trong quá trình triển khai văn bản QPPL.

- Theo dõi, đánh giá hiệu quả của việc tổ chức thi hành pháp luật tại các sở, ban, ngành và địa phương.

3.3. Tăng cường theo dõi thi hành pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực trọng tâm

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản QPPL xác định rõ lĩnh vực trọng tâm, chuyên đề như: đầu tư, đất đai, tài nguyên, xây dựng, tài chính - ngân sách, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, chính quyền địa phương hai cấp...

- Tổ chức các đoàn khảo sát, kiểm tra thực tế việc thi hành pháp luật tại một số địa phương, đơn vị trong lĩnh vực trọng tâm chuyên đề để xác định vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành văn bản QPPL.

- Thực hiện phân tích, đánh giá nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật; xác định rõ nguyên nhân từ quy định pháp luật, từ tổ chức thực hiện hoặc từ điều kiện thực tiễn.

- Nâng cao chất lượng kết luận và kiến nghị sau kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan và lộ trình, biện pháp khắc phục cụ thể; tăng cường theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh, xử lý các trường hợp chậm triển khai hoặc không thực hiện đầy đủ, bảo đảm tính nghiêm minh, hiệu lực và hiệu quả của hoạt động kiểm tra.

3.4. Đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng gắn với chính sách và nhu cầu xã hội

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật phải chuyển từ tuyên truyền dàn trải sang truyền thông chính sách có trọng tâm, đúng đối tượng, đúng thời điểm. Tập trung phổ biến kịp thời các chính sách, quy định mới liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của người dân và doanh nghiệp; ưu tiên các lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm, khiếu kiện, tranh chấp. Nội dung tuyên truyền cần giảm lý thuyết, tăng tình huống pháp lý, hỏi - đáp, hướng dẫn thực hành và phải được thiết kế phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Đổi mới hình thức PBGDPL theo hướng hiện đại, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác PBGDPL; đa dạng hóa các hình thức PBGDPL trên nền tảng số, từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong cung cấp thông tin pháp luật. Tối ưu hóa hệ thống Cổng/Trang thông tin điện tử, bảo đảm kết nối, liên thông với Cổng Pháp luật Quốc gia; khai thác triệt để ưu thế của các nền tảng mạng xã hội chính thống (Zalo, TikTok, Facebook) và ứng dụng di động. Tăng cường tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến; ứng dụng công nghệ số trong công tác tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật và bồi dưỡng kỹ năng PBGDPL. Ưu tiên xây dựng, số hóa các tài liệu PBGDPL như infographic, video ngắn, tài liệu hỏi - đáp điện tử, podcast...nhằm đơn giản hóa những quy định phức tạp, tạo nguồn thông tin dễ tiếp cận, dễ hiểu và dễ thực thi. Nghiên cứu xây dựng chatbot giải đáp pháp luật và triển khai các hoạt động ứng dụng, chuyển đổi số, công nghệ số khác bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, vai trò của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật và cơ quan quản lý nhà nước. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL; phát huy hiệu quả vai trò của Hội đồng phối hợp PBGDPL và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL trong hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác PBGDPL thuộc phạm vi quản lý. Tập trung rà soát, xây dựng các mô hình tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật mới, hiệu quả, đặc biệt là các mô hình ứng dụng chuyển đổi số để nhân ra diện rộng.

4. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng cơ chế phản hồi chính sách và sử dụng thông tin thực tiễn để hoàn thiện pháp luật

4.1. Thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về pháp luật theo hướng thực chất

- Xây dựng quy trình thống nhất từ tiếp nhận, phân loại, xử lý, phản hồi, tổng hợp đến kiến nghị sửa đổi chính sách. Mọi phản ánh, kiến nghị hợp lệ phải được tiếp nhận, chuyển xử lý và phản hồi đúng thời hạn; kết quả xử lý phải được số hóa, theo dõi, định kỳ tổng hợp và sử dụng làm dữ liệu đầu vào cho công tác rà soát, hoàn thiện pháp luật.

- Tổ chức vận hành hiệu quả Hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL theo quy định; bảo đảm việc tiếp nhận, phân loại, xử lý, phản hồi kịp thời các phản ánh, kiến nghị. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến để người dân, doanh nghiệp biết, tiếp cận và sử dụng các tiện ích của Hệ thống thông qua các hình thức phù hợp như: niêm yết công khai tại trụ sở các cơ quan, đơn vị; lồng ghép trong các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hội nghị, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tổ chức theo dõi, đôn đốc thường xuyên việc tiếp nhận, xử lý các đề nghị, kiến nghị của các sở, ban, ngành và địa phương liên quan đến văn bản QPPL; kịp thời tổng hợp, rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định không còn phù hợp, chồng chéo, mâu thuẫn hoặc không còn tính khả thi, góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL của tỉnh theo hướng đồng bộ, thống nhất, khả thi và phù hợp với thực tiễn.

4.2. Mở rộng các kênh thu thập thông tin thực tiễn

- Thiết lập đầu mối tiếp nhận, tổng hợp và quản lý thông tin phản ánh, kiến nghị từ các nguồn: khảo sát thực địa, đối thoại doanh nghiệp, tiếp xúc cử tri, báo chí, nền tảng số, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, hiệp hội ngành nghề.

- Tập trung hoàn thiện cơ chế thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin về tình hình thi hành văn bản QPPL theo hướng chuẩn hóa, đồng bộ và đa dạng nguồn dữ liệu. Thực hiện đầy đủ, thực chất chế độ báo cáo; chuẩn hóa nội dung, biểu mẫu và thời hạn báo cáo, bảo đảm phản ánh đúng thực tiễn tổ chức thi hành pháp luật. Đồng thời, tăng cường khai thác thông tin từ các nguồn hợp pháp như báo chí, cổng/trang thông tin điện tử, mạng xã hội chính thống, cũng như từ hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra, xét xử, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giám sát và tổng kết thực tiễn.

Gắn kết chặt chẽ việc thu thập, đánh giá thông tin với hoạt động thanh tra, kiểm tra; lồng ghép nội dung đánh giá hiệu quả thi hành văn bản QPPL trong các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và liên ngành. Chủ động phân tích, khai thác kết quả thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp hoặc thiếu tính khả thi, làm cơ sở kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc xử lý theo thẩm quyền.

- Đẩy mạnh tổ chức điều tra, khảo sát chuyên đề về tình hình thi hành văn bản QPPL. Theo đó, các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch khảo sát hàng năm hoặc theo chuyên đề, tập trung vào những lĩnh vực trọng tâm, phức tạp, có nhiều phản ánh, kiến nghị hoặc phát sinh vướng mắc trong thực tiễn. Việc điều tra, khảo sát cần được thực hiện bằng nhiều hình thức linh hoạt như phát phiếu khảo sát, tổ chức tọa đàm, lấy ý kiến trực tiếp từ cơ quan thực thi, doanh nghiệp và người dân; kết hợp khai thác thông tin từ báo chí, hệ thống phản ánh, kiến nghị và kết quả kiểm tra, thanh tra. Thông qua đó, kịp thời thu thập thông tin đa chiều, khách quan, sát thực tiễn, làm cơ sở đánh giá đúng tình hình thi hành

văn bản QPPL, phát hiện những bất cập, chồng chéo, thiếu khả thi để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp, hiệu quả.

4.3. Gắn chặt phản hồi thực tiễn với sửa đổi, bổ sung chính sách

- Thông tin, phản ánh từ thực tiễn thi hành pháp luật phải được coi là nguồn dữ liệu đầu vào quan trọng cho hoạt động rà soát, đánh giá và đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản QPPL. Đối với các vấn đề được phản ánh nhiều lần, kéo dài hoặc tác động lớn đến môi trường đầu tư, kinh doanh, đời sống dân sinh và hiệu lực quản lý nhà nước, phải tổng hợp, báo cáo và đưa vào danh mục xử lý ưu tiên của UBND tỉnh.

- Gắn công tác xây dựng văn bản QPPL với yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng chính sách theo hướng kiến tạo phát triển, đồng hành và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; gắn với mục tiêu cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Việc xây dựng văn bản QPPL phải được thực hiện trên cơ sở đánh giá đầy đủ sự cần thiết ban hành, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn.

- Ngay sau khi văn bản được ban hành, các cơ quan, đơn vị chủ trì phải chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức thi hành, xác định rõ trách nhiệm, lộ trình thực hiện và các điều kiện bảo đảm, nhằm đưa chính sách nhanh chóng đi vào cuộc sống.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch rà soát văn bản QPPL hàng năm, đồng thời tổ chức rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực hoặc địa bàn, nhất là đối với các lĩnh vực có nhiều biến động chính sách hoặc phát sinh vướng mắc trong quá trình thi hành. Các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát văn bản QPPL thường xuyên; khi phát sinh căn cứ rà soát phải kịp thời tổ chức rà soát theo quy định. Kết quả rà soát và danh mục văn bản QPPL còn hiệu lực, hết hiệu lực, ngưng hiệu lực được công bố hàng năm, bảo đảm đầy đủ, đúng quy định.

- Gắn chặt công tác rà soát văn bản QPPL với hoạt động tổ chức thi hành pháp luật, kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, cũng như các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

- Tổng hợp, phân tích các lỗi phổ biến trong công tác xây dựng văn bản QPPL thông qua hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản; phân loại theo các nhóm như: thẩm quyền, nội dung, thể thức và kỹ thuật trình bày, hiệu lực thi hành... Trên cơ sở đó, xây dựng Sổ tay hoặc tài liệu hướng dẫn cung cấp cho các cơ quan tham mưu xây dựng văn bản nhằm hạn chế sai sót và nâng cao chất lượng văn bản.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết việc thi hành các văn bản QPPL, đặc biệt là các chính sách quan trọng, để đánh giá toàn diện hiệu quả thực hiện, kịp thời phát hiện vướng mắc, bất cập và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật.

5. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về kiện toàn tổ chức, phát triển nguồn nhân lực và điều kiện bảo đảm thực hiện

5.1. Kiện toàn tổ chức pháp chế, nâng cao tính chuyên nghiệp của bộ máy làm công tác pháp luật

Rà soát, kiện toàn tổ chức pháp chế trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; bảo đảm bố trí công chức làm công tác pháp chế theo quy định; ưu tiên bổ sung biên chế theo hướng tập trung cho các khâu quan trọng như xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản, theo dõi thi hành pháp luật, chuyển đổi số pháp luật. Trên cơ sở biên chế hiện có, mỗi cơ quan, đơn vị xây dựng vị trí việc làm và bố trí ít nhất 01 biên chế có đủ năng lực, trình độ phụ trách tham mưu công tác xây dựng văn bản QPPL và tổ chức thi hành pháp luật.

5.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ pháp luật có năng lực chính sách và quản trị pháp luật

- Đào tạo, bồi dưỡng theo hướng phát triển năng lực phân tích chính sách, kỹ năng tham vấn, thẩm định, rà soát, xử lý tình huống pháp lý, khai thác dữ liệu và vận hành công cụ số. Hình thành mạng lưới cán bộ nòng cốt về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật ở cấp tỉnh và cấp xã; từng bước xây dựng đội ngũ chuyên gia, cộng tác viên kiểm tra, rà soát văn bản QPPL.

- Tổ chức các đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật tại một số địa phương thực hiện hiệu quả, chất lượng trong công tác này cho đối tượng là cán bộ làm công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật tại cấp tỉnh, cấp xã.

- Ưu tiên tuyển dụng, bố trí và sử dụng đội ngũ cán bộ có trình độ cao, đặc biệt là những người tốt nghiệp loại xuất sắc tại cơ sở đào tạo ngành luật uy tín trên cả nước, người có học vị tiến sĩ hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành luật tại nước ngoài vào làm việc tại Sở Tư pháp và các cơ quan chuyên môn, nhằm nâng cao chất lượng tham mưu, xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật của tỉnh trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

5.3. Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất và điều kiện kỹ thuật

Bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo hướng tập trung, có trọng tâm, ưu tiên cho các nhiệm vụ thiết yếu như: rà soát hệ thống văn bản; xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật; chuyển đổi số; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; khảo sát, đánh giá, phản biện chính sách; kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật. Đồng thời đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý, kho dữ liệu và thiết bị làm việc phù hợp để bảo đảm khả năng vận hành thực chất, tránh đầu tư dàn trải.

6. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số và xây dựng mô hình quản trị pháp luật hiện đại của tỉnh

6.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật của tỉnh đồng bộ, thống nhất

Thực hiện số hóa văn bản QPPL còn hiệu lực và dữ liệu phục vụ theo dõi thi hành pháp luật; chuẩn hóa thông tin theo lĩnh vực, thời điểm, hiệu lực, cơ

quan ban hành, tình trạng xử lý; kết nối, đồng bộ với cơ sở dữ liệu pháp luật quốc gia và các hệ thống dữ liệu chuyên ngành của tỉnh. Cơ sở dữ liệu phải vừa phục vụ quản lý nội bộ, vừa phục vụ công khai, tra cứu và tiếp cận pháp luật cho người dân, doanh nghiệp.

6.2. Xây dựng hệ thống quản trị, theo dõi và đánh giá thi hành pháp luật trên nền tảng số

- Từng bước xây dựng và vận hành hệ thống quản trị, theo dõi và đánh giá tình hình thi hành pháp luật trên nền tảng số nhằm đổi mới phương thức quản lý từ thủ công sang quản lý dựa trên dữ liệu. Đưa toàn bộ hoạt động theo dõi thi hành pháp luật, rà soát, kiểm tra văn bản, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị, chế độ báo cáo và cảnh báo rủi ro pháp lý lên hệ thống quản lý dữ liệu điện tử, bảo đảm việc theo dõi, giám sát được thực hiện một cách tập trung, thống nhất và minh bạch.

- Hệ thống cần tích hợp và quản lý tập trung toàn bộ thông tin liên quan đến quá trình xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, bao gồm: tiến độ xây dựng văn bản; kế hoạch và kết quả tổ chức thi hành; tình hình rà soát, kiểm tra văn bản; việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị; kết quả thực hiện các chính sách cũng như các vấn đề vướng mắc phát sinh trong thực tiễn. Hệ thống phải cho phép theo dõi tiến độ xây dựng văn bản, tiến độ tổ chức thi hành, tình trạng xử lý kiến nghị, danh mục văn bản cần sửa đổi, bổ sung, kết quả thực hiện chính sách và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

6.3. Thiết lập công cụ trực quan hóa dữ liệu về quản trị pháp luật phục vụ điều hành của UBND tỉnh

Xây dựng bảng điều hành quản trị pháp luật của Chủ tịch UBND tỉnh trên môi trường số để phục vụ chỉ đạo, điều hành. Bảng điều hành cần tập trung vào các nhóm thông tin trọng yếu, có khả năng cập nhật định kỳ và sử dụng được trong thực tiễn như: tiến độ xây dựng văn bản; tiến độ xử lý văn bản sau rà soát; tình hình tổ chức thi hành pháp luật ở các lĩnh vực trọng tâm; phản ánh, kiến nghị về chính sách; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

6.4. Xây dựng và vận hành Bộ chỉ số đo lường hiệu quả tổ chức và thi hành pháp luật của tỉnh

- Xây dựng Bộ chỉ số đo lường hiệu quả tổ chức và thi hành pháp luật của tỉnh làm công cụ đánh giá hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị; nội dung tập trung vào các nhóm: chất lượng chính sách, tiến độ và chất lượng xử lý văn bản, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, phản hồi chính sách, minh bạch pháp luật và mức độ ứng dụng số trong công tác pháp luật.

- Tổ chức phổ biến, hướng dẫn các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Bộ chỉ số; hướng dẫn việc tự đánh giá, cung cấp số liệu và cập nhật thông tin phục vụ việc chấm điểm, xếp hạng hàng năm đối với công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

6.5. Từng bước hình thành mô hình Hệ thống quản trị pháp luật tỉnh Hà Tĩnh

Từng bước xây dựng Hệ thống quản trị pháp luật của tỉnh Hà Tĩnh trên nền tảng dữ liệu số và các công cụ điều hành hiện đại, nhằm nâng cao chất lượng xây dựng chính sách và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống quản trị pháp luật của tỉnh được hình thành trên cơ sở tích hợp và vận hành đồng bộ các công cụ sau:

- Cơ sở dữ liệu pháp luật của tỉnh, phục vụ quản lý thống nhất, tra cứu, rà soát và cập nhật hệ thống văn bản QPPL của tỉnh;
- Hệ thống theo dõi tình hình thi hành pháp luật, giúp phát hiện kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai pháp luật ở các ngành, lĩnh vực và địa phương;
- Bộ chỉ số đo lường hiệu quả tổ chức và thi hành pháp luật của tỉnh (Legal Governance Index), làm căn cứ đánh giá khách quan chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị;
- Bảng điều hành (Dashboard) phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ lãnh đạo tỉnh theo dõi tiến độ xây dựng văn bản, tình hình thi hành pháp luật và kết quả xử lý các vấn đề phát sinh.

Trên cơ sở các công cụ nêu trên, từng bước hình thành mô hình quản trị pháp luật của tỉnh theo chu trình khép kín, bảo đảm sự liên thông giữa các khâu trong quá trình xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, gồm:

1. Phát hiện và xác định vấn đề từ thực tiễn quản lý và đời sống xã hội;
2. Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện chính sách;
3. Ban hành văn bản QPPL hoặc văn bản áp dụng pháp luật;
4. Tổ chức triển khai và hướng dẫn thi hành;
5. Theo dõi, kiểm tra và đánh giá hiệu quả thi hành pháp luật;
6. Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị từ cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp;
7. Phản hồi và hoàn thiện chính sách, góp phần nâng cao chất lượng hệ thống pháp luật của tỉnh.

Thông qua việc hình thành hệ thống quản trị pháp luật theo chu trình khép kín nêu trên, công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật của tỉnh từng bước được đổi mới theo hướng quản trị hiện đại, dựa trên dữ liệu, tăng cường tính minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình và khả năng phản ứng chính sách trước những yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

PHẦN IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo, điều hành thống nhất của UBND tỉnh đối với công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.
2. Bảo đảm phân công rõ trách nhiệm, rõ cơ quan chủ trì, rõ thời hạn và rõ kết quả đầu ra, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện.
3. Gắn việc triển khai Đề án với thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Tỉnh ủy và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
4. Bảo đảm công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật được thực hiện theo phương pháp quản trị hiện đại, dựa trên dữ liệu, đánh giá hiệu quả thực thi và phản hồi từ thực tiễn.
5. Phát huy vai trò của toàn bộ hệ thống chính trị; trong đó Sở Tư pháp là cơ quan tham mưu, điều phối, các sở, ngành và chính quyền cấp xã là chủ thể tổ chức thực hiện.

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

1.1. Là cơ quan thường trực tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Đề án; chủ trì tham mưu ban hành kế hoạch triển khai hàng năm, theo dõi tiến độ, tổng hợp kết quả, đôn đốc, kiểm tra và kịp thời tham mưu xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

1.2. Chủ động nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án; kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung, nhiệm vụ của Đề án khi cần thiết để bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn..

1.3. Chủ trì tham mưu UBND tỉnh xây dựng chương trình xây dựng văn bản QPPL của tỉnh; Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; Theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL; Xây dựng Bộ chỉ số Legal Governance Index của tỉnh để đánh giá chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

1.4. Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Nội vụ nghiên cứu, tham mưu củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

1.5. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án, đánh giá toàn diện kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; trên cơ sở đó tham mưu UBND

tỉnh đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện hoặc điều chỉnh, bổ sung nội dung Đề án cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Sở Nội vụ

2.1. Theo thẩm quyền chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án.

2.2. Chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành có liên quan tiếp tục nghiên cứu, đề xuất việc củng cố, kiện toàn tổ chức, biên chế thực hiện công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật, pháp chế của các sở, ban, ngành theo các quy định của Trung ương, của tỉnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2.3. Tham mưu đưa tiêu chí thực hiện công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật vào đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

3. Sở Tài chính

3.1. Theo thẩm quyền chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án.

3.2. Chủ trì tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp khả năng cân đối ngân sách.

3.3. Chủ trì rà soát và đề xuất các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Văn phòng UBND tỉnh

4.1. Theo thẩm quyền chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án.

4.2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp xem xét, kiểm tra việc đăng ký xây dựng văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh; theo dõi tiến độ trình, bảo đảm các dự thảo văn bản được đưa vào chương trình, kế hoạch và trình đúng thời hạn theo Quy chế làm việc của UBND tỉnh.

4.3. Cung cấp đầy đủ các văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành (bao gồm bản PDF và bản Word) cho Sở Tư pháp để thực hiện tự kiểm tra và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

4.4. Tham mưu UBND tỉnh tổ chức các phiên họp chuyên đề về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Theo dõi, đôn đốc các sở, ngành thực hiện các nhiệm vụ của Đề án gắn với chương trình công tác của UBND tỉnh; Phối hợp xây dựng hệ thống dashboard theo dõi tiến độ xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật của tỉnh.

5. Các sở, ban, ngành

5.1. Chủ động tổ chức triển khai thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao, hàng năm xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai nhiệm vụ kịp thời, hiệu quả.

5.2. Chủ trì xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trong phạm vi lĩnh vực quản lý. Thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá tác động chính sách khi đề xuất xây dựng văn bản QPPL.

5.3. Chủ động rà soát, phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các văn bản QPPL có nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp với thực tiễn, kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền.

5.4. Thực hiện nghiêm công tác tiếp nhận, nghiên cứu và xử lý đề nghị, kiến nghị về văn bản QPPL, bảo đảm đúng trình tự, thời hạn; coi kết quả xử lý kiến nghị là kênh quan trọng phục vụ công tác hoàn thiện chính sách, pháp luật của tỉnh.

5.5. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan trong công tác kiểm tra việc tổ chức thi hành pháp luật, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu; nghiêm túc thực hiện và khắc phục kịp thời các kết luận, kiến nghị sau kiểm tra.

5.6. Tổ chức thực hiện việc thu thập đầy đủ, kịp thời thông tin về tình hình thi hành văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý từ các nguồn theo quy định; chủ động tiếp nhận, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các phản ánh, kiến nghị, kết quả khảo sát, thanh tra, kiểm tra trong phạm vi thẩm quyền; tổng hợp, báo cáo kết quả thu thập và xử lý thông tin, đề xuất xử lý theo quy định.

5.7. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh, Sở Tư pháp về tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo lĩnh vực quản lý.

6. UBND các xã, phường

6.1. Tổ chức triển khai thực hiện Đề án tại địa phương; xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế; bảo đảm các văn bản QPPL được quán triệt, triển khai đầy đủ, thống nhất đến cán bộ, công chức và Nhân dân trên địa bàn.

6.2. Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức thi hành pháp luật ở cơ sở, nhất là trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi hành để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

6.3. Tham gia đầy đủ các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ do cấp trên tổ chức; chủ động tự học tập, cập nhật kiến thức pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

6.4. Thực hiện việc tiếp nhận, tổng hợp và phản ánh kịp thời các đề nghị, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về văn bản QPPL, chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để nghiên cứu, xử lý theo quy định.

6.5. Chấp hành nghiêm các hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan cấp trên, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ kiểm tra; tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị sau kiểm tra.

6.6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình tổ chức thi hành pháp luật tại địa phương theo yêu cầu của UBND tỉnh và cơ quan chuyên môn.

6.7. Bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật theo quy định.

7. Đề nghị các ban đảng, Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp tổ chức

thực hiện các nội dung tại Đề án này

7.1. Đề nghị Ban Nội chính Tỉnh ủy

Tham mưu Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong quá trình xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, Chương trình hành động số 45-CTr/TU, ngày 03/7/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật theo Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Ban Chấp hành trung ương.

Tham mưu tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

7.2. Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh

Tiếp tục quan tâm, tăng cường giám sát văn bản QPPL và việc thi hành pháp luật; phối hợp cung cấp thông tin, kết quả giám sát việc thi hành văn bản QPPL theo quy định nhằm nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tăng cường thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản QPPL; tham gia góp ý kiến về chính sách, dự thảo văn bản QPPL; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân và kịp thời gửi đến cơ quan có thẩm quyền; phối hợp cung cấp thông tin, kết quả giám sát việc thi hành văn bản QPPL nhằm góp phần nâng cao chất lượng xây dựng văn bản QPPL, bảo đảm các chính sách, quy định pháp luật phù hợp thực tiễn, phản ánh ý chí, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp có trách nhiệm tăng cường, chủ động và thường xuyên tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực hoạt động cho hội viên. Tổ chức tiếp nhận, tổng hợp, phản ánh kịp thời, đầy đủ các thông tin, kiến nghị, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành pháp luật, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý. Chủ động tham gia góp ý, đề xuất giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những bất cập, mâu thuẫn trong thực tiễn thi hành pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực hoạt động.

9. Đề nghị trường Chính trị Trần Phú Hà Tĩnh

Phối hợp thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

III. CƠ CHẾ PHỐI HỢP THỰC HIỆN

1. Cơ chế điều phối chung

UBND tỉnh chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Đề án; Sở Tư pháp là cơ quan đầu mối điều phối; các sở, ngành và UBND cấp xã có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo nguyên tắc rõ cơ quan chủ trì, rõ cơ quan phối hợp, rõ thời hạn và rõ kết quả đầu ra.

2. Cơ chế hợp chuyên đề

Hàng năm, UBND tỉnh tổ chức ít nhất 01 hội nghị hoặc phiên họp chuyên đề về công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật để đánh giá tiến độ thực hiện Đề án, rà soát điểm nghẽn, xác định nhiệm vụ ưu tiên và xử lý các vấn đề liên ngành phát sinh trong quá trình thực hiện..

3. Cơ chế theo dõi và đánh giá

Việc theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Đề án được thực hiện thông qua chế độ báo cáo định kỳ, kiểm tra chuyên đề, kết quả xử lý văn bản sau rà soát, kết quả tiếp nhận - xử lý phản ánh, kiến nghị và Bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công tác pháp luật của tỉnh; từng bước tích hợp trên môi trường số để phục vụ điều hành.

IV. NGUỒN LỰC BẢO ĐẢM THỰC HIỆN

Nguồn lực thực hiện Đề án bao gồm:

1. Ngân sách nhà nước

Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ ngân sách tỉnh theo kế hoạch trung hạn và hàng năm, đồng thời lồng ghép với các chương trình, đề án, nhiệm vụ có liên quan để bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn lực.

2. Nguồn lực con người

Khuyến khích huy động sự tham gia của chuyên gia, nhà khoa học, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo, tổ chức nghề nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp và các chủ thể xã hội có liên quan trong quá trình xây dựng, phản biện, tổ chức thi hành và đánh giá pháp luật.

V. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

1. Giai đoạn 2026-2030

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, quy trình để triển khai thống nhất Đề án trên địa bàn tỉnh.

Trong đó, rà soát, ban hành các quy định, hướng dẫn cần thiết để tổ chức thực hiện Đề án; chuẩn hóa quy trình xây dựng chính sách và quy trình xây dựng văn bản QPPL của địa phương theo hướng khoa học, minh bạch, nâng cao chất lượng ngay từ khâu đề xuất chính sách.

Đồng thời, xây dựng và từng bước hình thành cơ sở dữ liệu pháp luật của tỉnh, bảo đảm việc cập nhật, khai thác, tra cứu các văn bản QPPL và thông tin pháp lý được thuận lợi, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

- Hoàn thiện các công cụ theo dõi và đánh giá

Triển khai xây dựng hệ thống theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ việc theo dõi, tổng hợp, phân tích và đánh giá tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

Xây dựng và hoàn thiện Bộ chỉ số đo lường hiệu quả tổ chức và thi hành pháp luật của tỉnh của tỉnh nhằm đo lường, đánh giá chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đánh giá kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc và kịp thời điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp để bảo đảm Đề án được triển khai hiệu quả.

- Tổng kết giai đoạn 2026 - 2030

Tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Đề án giai đoạn 2026 - 2030; làm rõ kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo trên cơ sở số liệu, kết quả đo lường và yêu cầu thực tiễn.

2. Giai đoạn 2030 - 2035

- Xây dựng và hoàn thiện mô hình Hệ thống quản trị hệ thống văn bản QPPL của tỉnh

Trên cơ sở kết quả thực hiện giai đoạn trước, nghiên cứu xây dựng và từng bước hoàn thiện mô hình Hệ thống quản trị pháp luật của tỉnh, bao gồm: hệ thống xây dựng chính sách và pháp luật, hệ thống theo dõi thi hành pháp luật, cơ sở dữ liệu pháp luật và bộ công cụ đánh giá chất lượng quản trị pháp luật. Việc xây dựng mô hình nhằm hình thành cơ chế quản trị pháp luật đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật.

- Triển khai vận hành Hệ thống quản trị pháp luật của tỉnh

Tổ chức triển khai vận hành Hệ thống quản trị pháp luật của tỉnh trên phạm vi toàn tỉnh; tiếp tục hoàn thiện quy trình, công cụ và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan; cập nhật, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu pháp luật, hệ thống theo dõi thi hành pháp luật và bộ chỉ số đánh giá, bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật trong giai đoạn phát triển mới của tỉnh./.